

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2023
V/v: tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

2. Ông Nguyễn Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cum Anh là thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: ông Lưu Minh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 205/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thị Thúy H1**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có mặt

Bị đơn: ông **Phạm Văn H2**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: số 516 ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Trần Thị Thúy H1 trình bày: Bà Trần Thị Thúy H1 và ông Phạm Văn H2 được mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2020, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P vào ngày 08/6/2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với ông H2. Bà H1 đã cho ông H2 cơ hội hàn gắn nhưng ông H2 không liên lạc với bà H1 để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà H1 yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H2. Về con chung thì bà và ông H2 không có con chung, bà H1 và ông H2 cũng không có tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của bị đơn – ông Phạm Văn H2: ông H2 thống nhất với bà H1 về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình hòa giải thì ông H2 có ý kiến là không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H1 vì ông H2 còn thương vợ là bà H1, bà H1 bỏ về nhà cha mẹ của bà H1 sinh

sống là do mâu thuẫn với dì của ông H2 chứ không có mâu thuẫn gì với ông H2 nên nay bà H1 quay về sống chung với ông H2 thì ông H2 cũng đồng ý cho bà H1 quay về chứ ông H2 không đồng ý ly hôn. Về con chung thì giữa ông và bà H1 không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án thụ lý vụ kiện là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn Trần Thị Thúy H1 được ly hôn với bị đơn Phạm Văn H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Thúy H1 và ông Phạm Văn H2 xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 040 ngày 08/06/2020, do đó, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, quan hệ pháp luật trên do Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và ông Phạm Văn H2 có tham dự các phiên hòa giải nhưng không thành. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử công khai vào ngày 17/01/2023 nhưng ông H2 vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn Phạm Văn H2 vẫn vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn Phạm Văn H2.

[3] Theo bà Trần Thị Thúy H1 trình bày, nguyên nhân giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, giữa bà H1 và bên gia đình chồng có cự cãi nhưng ông H2 bỏ mặc, không quan tâm đến bà H1 nên bà H1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2020, cũng từ đó bà và ông H2 sống ly thân đến nay. Bà H1 đã cho ông H2 nhiều cơ hội hàn gắn nhưng ông H2 vẫn không liên lạc, hàn gắn với bà H1, vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông H2. Trong quá trình hòa giải, ông H2 không đồng ý ly hôn do cho rằng còn thương vợ là bà H1 và giữa vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn mà mâu thuẫn chỉ phát sinh giữa bà H1 với dì của ông H2, tuy nhiên, ông H2 không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng như không thể hiện thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Thúy H1 vẫn cương quyết ly hôn và ông H2 không đến tham dự phiên tòa cũng cho thấy ông H2 không tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà H1 như ông H2 trình bày trong quá trình hòa giải. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Thúy H1 và ông Phạm Văn H2 đã trầm trọng, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị Thúy H1 là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thúy H1.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thúy H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thúy H1 được ly hôn với ông Phạm Văn H2.

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà H1 nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0007664 ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND TT. P;
- Lưu HS (2b)

Nguyễn Thị Thu An